

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20- 11- 2018.

V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn

Và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Lũy.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286 /2018/TLST- HNGĐ ngày 29-8-2018, về: “*Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Bích Ng, sinh năm 1986, cư trú số 169, ấp Thạnh H 2, xã Trung H, huyện C Đ, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.

- Bị đơn: Nguyễn Tấn T, sinh năm 1988, cư trú ấp Phú H, xã Phú Th, P T, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn (bút lục số 02); bản tự khai (bút lục số 10); thì chị Trần Bích Ng trình bày: Chị với anh T thành vợ, chồng vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm và có trách nhiệm với vợ, con, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi và ly thân từ tháng 9-2017.

Con chung có 01 đứa tên Nguyễn Trần An Nh, sinh ngày 27-8-2016 sống với chị.

- Về tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh T.

- Về con chung : Được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản; nợ phải thu; nợ phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh T, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hai lần để hòa giải, anh vẫn vắng mặt, vì vậy không ghi nhận được ý kiến trình bày, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 20-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (bút lục số 09) thì ông Huỳnh Chí T (cha ruột của anh T) trình bày: Anh T là con ruột của ông, khi T còn nhỏ và do vợ, chồng ông phải đi ghe mua, bán vận chuyển thường xuyên vắng nhà nên ông cho T cho người chị ruột tại ấp Phú H, xã Phú Th, huyện P T, tỉnh An Giang nuôi dưỡng có hộ khẩu tại đây, sống được 01 năm thì ông đem anh T về nhà nuôi dưỡng, lớn lên ông cưới Ng cho anh T và sống chung trong nhà của ông, nhưng hộ khẩu của anh T vẫn còn tại ấp Phú H. Khi cưới Ng đến nay không đăng ký kết hôn. Trước khi ly thân thì anh T và chị Ng sống ở quê vợ, sau đó phát sinh mâu thuẫn giữa vợ, chồng và gia đình bên vợ nên anh T về nhà ông sống. Về tài sản và nợ phải thu, phải trả không có. Sau khi ông biết được chị Ng xin ly hôn với anh T tại Tòa án thì ông có báo cho anh T biết và anh T có yêu cầu: Đồng ý ly hôn; đồng ý cho chị Ng được tiếp tục nuôi con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Ng có chồng người nước ngoài thì không được mang con theo; về tài sản, nợ phải thu và phải trả không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Anh T đã được triệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (theo bút lục các số: 19, 20, 25, 26).

{1.2} Anh T đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt (bút lục các số 29), vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

{1.3} Chị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục 06), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ng.

{ 2} Về nội dung :

{2.1} Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Bích Ng với anh Nguyễn Tấn T không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : “ Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”;

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : “ Nam , nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này” và điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định : “ Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng ; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...” Như vậy hôn nhân của anh, chị sẽ không được pháp luật bảo vệ và tuyên bố không công nhận là quan hệ vợ chồng .

{2.2} Về quan hệ con chung: Có 01 con tên Nguyễn Trần An Nh, sinh ngày 27-8-2016 sống với chị Ng và chị Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Nh đều sống với chị Ng, hơn nữa cháu dưới 36 tháng tuổi theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân – gia đình thì đây là trường hợp được giao cho mẹ nuôi dưỡng, vì vậy giao cháu Nh cho chị Ng tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đáng lẽ anh Tài phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân – gia đình, nhưng chị Ng tự nguyện không yêu cầu, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.3} Về tài sản và nợ phải thu : Không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4} Về nợ phải trả: không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Ng và anh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.5} Về án phí DSST: Chị Ng phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

{3} Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh T được triệu tập hợp lệ 02 lần để tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt, điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn của chị Ng là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1, Điều 51; khoản 3 Điều 81; các khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; các khoản 1, 3, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa chị Trần Bích Ng, với anh Nguyễn Tấn T.

- Chị Trần Bích Ng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đứa con tên Nguyễn Trần An Nh, sinh ngày 27-8-2016, nhưng không được ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của chị Ng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ng phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0007056 ngày 29- 8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Ng và anh T có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thành Dũng